

KẾT CẤU DẠNG LÁY ABB VỚI A LÀ ĐỘNG TỪ TRONG TIẾNG VIỆT - GÓC NHÌN TỪ TRI NHẬN

NGÔ THỊ HUỆ *

Tóm tắt: Kết cấu dạng láy ABB với A là động từ (như *bú chùn chụt, ăn thun thút*) không chỉ xuất hiện phổ biến trong các tác phẩm văn học mà còn được sử dụng rộng rãi với tần suất cao trong đời sống hàng ngày, tuy nhiên kết cấu này cho đến nay vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ. Bài viết ban đầu tiến hành thống kê tổ hợp ABB thường dùng với A là động từ trong tiếng Việt, đi sâu tìm hiểu đặc trưng cấu tạo, bản chất của BB, mối quan hệ giữa A và BB, đồng thời vận dụng lý luận tri nhận “tương tự” (iconicity) để giải thích phạm trù ngữ nghĩa của ABB, phân tích nghĩa tượng hình, tượng thanh, giá trị biểu cảm và tính đa nghĩa của tổ hợp này.

Từ khóa: Kết cấu dạng láy ABB, A là động từ, cấu tạo, ngữ nghĩa, tri nhận.

Abstract: The reduplication ABB structure with A as the verb (*bú chùn chụt, ăn thun thút*, for example) is not only widely used in literary works but also in everyday languages with high frequency. However, this structure still causes hot debates in Vietnamese. The article conducted statistics on the number of these commonly-used combinations in Vietnamese, studied the structural characteristics, the nature of BB, the relationship between A and BB, and used cognitive theory “similar” (iconicity) to explain ABB’s semantic categories, analyse onomatopoeia, expressive values and polysemy of these combinations.

Keywords: The reduplication ABB structure, A as a verb, structure, semantic, cognition.

1. Mở đầu

Vấn đề từ láy đã từng là tâm điểm nghiên cứu của giới Việt ngữ học trong nhiều thập kỷ qua với những công trình nghiên cứu tiêu biểu của Hồ Lê (1976), Nguyễn Tài Cẩn (1975), Hoàng Tuệ (1978), Đái Xuân Ninh (1978), Hoàng Văn Hành (1985), Phi Tuyết Hinh

(1990), Hà Quang Năng (2003),... Tuy nhiên với loại từ láy hoàn toàn như *chùn chụt, thun thút* vẫn chưa thực sự được quan tâm, đặc biệt là nghiên cứu loại từ này dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận và trong mối quan hệ với cấu trúc dạng láy ABB vẫn còn nhiều vấn đề chưa được khai thác. Cấu trúc dạng láy ABB với A là tính từ (*tối om om, im phăng phắc*) đã xuất hiện trong một số nghiên cứu những năm gần đây của chúng tôi (2016, 2017) trong sự đối chiếu với hiện tượng cùng loại của tiếng Hán. Tuy nhiên với A là động từ (như *bú chùn chụt, ăn thun thút*) cho đến nay vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ. Những tổ hợp này không chỉ xuất hiện phổ biến trong các tác phẩm văn học mà còn được sử dụng rộng rãi với tần suất cao trong đời sống hàng ngày. Bài viết tiến hành thống kê tổ hợp ABB thường dùng với A là động từ trong tiếng Việt, đi sâu tìm hiểu đặc trưng cấu tạo của tổ hợp này, bản chất của BB, mối quan hệ giữa A và BB, đồng thời vận dụng lý luận tri nhận “tương tự” (iconicity) để giải thích phạm trù ngữ nghĩa của ABB, phân tích nghĩa tượng hình, tượng thanh, giá trị biểu cảm và tính đa nghĩa của tổ hợp này. (Dưới đây kết cấu dạng láy ABB với A là động từ xin được viết tắt là tổ hợp ABB, từ láy BB viết tắt là BB).

2. Đặc trưng cấu tạo

Thống kê bước đầu của chúng tôi thu thập được 138 tổ hợp ABB thường dùng trong đó bao gồm 70 động từ gốc đơn tiết A, BB ở đây là những từ láy hoàn toàn, nhưng khác với loại từ

* TS - Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Hà Nội; Email: nanfang5@gmail.com

láy hoàn toàn xác định được yếu tố gốc như *xanh xanh*, *đỏ đỏ* tách ra có thể đứng độc lập và kết hợp thành “*rất xanh, rất đỏ*”, loại từ này thông qua láy âm tiết mới tồn tại nghĩa, là một hình vị chứa hai âm tiết, tách ra thường không thể đứng độc lập, nếu tồn tại từ thực đơn tiết thì sắc thái nghĩa của nó so với từ láy BB cũng khác nhau.

Nguồn gốc cấu tạo của BB khá phức tạp, nó nằm trong hệ thống tiến trình phát triển của từ láy tiếng Việt nói chung. Nguồn gốc tiếng Việt cổ (thế kỷ XII) bắt nguồn từ hình vị đơn tiết, nhưng để đáp ứng yêu cầu biểu đạt ngày càng cao của con người, tiếng Việt tiến đến con đường đa âm tiết, nhờ có thanh điệu phong phú (hệ thống thanh điệu được hoàn thiện ở thế kỷ XII), nó được phát triển theo hướng láy từ [12, tr.22, 176]. Nguồn gốc của BB ban đầu là do từ thực đơn tiết phái sinh tạo nên, nhưng ở đây bóng dáng của từ thực đơn tiết đã bị mờ nhạt, hoặc nó được dùng với nghĩa bóng rất xa, hoặc vì vỏ ngữ âm của nó đã bị biến đổi, hoặc vì đó là những từ thực cổ, hoặc vì nó là từ địa phương [10, tr.222], ngoài ra cũng phải kể đến một số từ có yếu tố gốc Hán.

Ví dụ, *đẩy* là động từ biểu thị làm cho chuyển động theo một hướng nào đó bằng một lực tác động thẳng tới, cơ chế láy âm tiết tạo nên *chối đẩy đẩy* khiến ta liên tưởng tới hình ảnh khuôn mặt với thái độ, cử chỉ lời nói mạnh mẽ, kiên quyết, dai dẳng, chối bỏ không thừa nhận. Mặc dù từ tính không thay đổi, vẫn là động từ nhưng nghĩa cơ bản và sắc thái của từ láy BB ở đây đã hoàn toàn thay đổi so với yếu tố gốc. *Xông xộc* vốn dĩ xuất phát từ từ thực đơn tiết *xộc* (biểu thị xông tới một cách đột ngột), cơ chế láy đã làm biến đổi vỏ ngữ âm, biến đổi từ động từ sang tính từ, *chạy xông xộc* khiến ta liên tưởng tới trạng thái chạy nhanh, mạnh và xông thẳng đến một cách đột ngột, vội vàng, hấp tấp do bức xúc, nôn nóng. *Dòng dòng* xuất phát từ từ thực đơn tiết *dòng*: danh từ, chỉ khối chất lỏng đang chảy, biểu thị số ít, sau khi láy từ tính biến đổi từ danh từ sang tính từ, từ số ít sang số nhiều, biểu thị trạng thái

tuôn chảy ra thành nhiều giọt, nhiều dòng liên tiếp *chảy dòng dòng*.

Trong tổ hợp ABB cũng lưu lại một số BB có nguồn gốc từ từ thực cổ đơn tiết trong tiếng Việt, ví dụ *thuộc lâu lâu* (*thuộc lâu lâu*), trong Truyện Kiều đã từng xuất hiện *cung thương lâu bạc ngũ âm, lâu bạc* (*lâu bạc*) nghĩa là lâu thông cung bạc, thông hiểu cung bạc, như vậy trong tiếng Việt cổ, *lâu* là từ thực đơn tiết, có thể dùng độc lập, tuy nhiên trong tiếng Việt hiện đại, *lâu* được tái hiện với hình thái đã thay đổi (hai âm tiết), là phó từ thường xuất hiện trong tổ hợp *thuộc lâu lâu* để bổ sung nghĩa cho động từ. Tuy nhiên việc xác định nguồn gốc hình thành của loại từ láy BB này cần thêm nhiều khảo sát lịch sử.

Tổ hợp ABB cũng có một số BB xuất phát từ từ thực đơn tiết địa phương, ví dụ: trong tiếng địa phương “*lịa*” là nhanh, tổ hợp ABB: *gật lia lia, gấp lia lia, quật lia lia*,... biểu thị động tác rất nhanh và liên tiếp, lặp đi lặp lại trong một thời gian nhất định [10, tr.224].

Ngoài ra, trong loại từ láy BB này cũng xuất hiện một số từ có nguồn gốc từ chất liệu tiếng Hán, như *biên biệt, biệt* trong tiếng Hán là động từ, chỉ phân ly, thường dùng kết hợp với các thành tố khác để tạo thành từ song tiết *biệt ly, cáo biệt, vĩnh biệt*,... Tiếng Việt sử dụng cơ chế vận hành của láy khiến hình thái của nó thay đổi và trở thành một từ mới có sắc thái nghĩa khác với yếu tố gốc. *Biên biệt* về mặt ngữ âm so với yếu tố gốc có sự biến đổi về thanh điệu và âm cuối khiến cho âm thanh trở nên du dương, trong tiếng Việt hiện đại là phó từ, biểu thị băng đi, vắng đi rất lâu không để lại dấu vết, tầm hơi gì, thường xuất hiện trong tổ hợp *đi biên biệt*. *Đi biên biệt* so với *đi biệt* càng nhấn mạnh mức độ cao, thời gian dài dai dẳng của sự xa cách, chia lìa, thể hiện sắc thái xót xa, thương cảm của người nói. Hay *canh cánh* xuất phát từ gốc Hán “*耿耿*” *canh cánh* (tính từ, chỉ có tâm sự trong lòng, thành ngữ *耿耿于怀* *canh cánh vu hoài* - *canh cánh trong lòng*), nhưng khi sang tiếng Việt nó đã bị biến

đôi vô ngữ âm, không còn bóng dáng yếu tố Hán Việt. Dạng từ láy kiểu “耿耿” *cánh cánh* là số ít từ láy hoàn toàn được lưu lại từ tiếng Hán cổ, trong tiếng Hán cổ nó là tính từ trạng thái đơn tiết có thể đứng độc lập [8, tr.104]. Loại từ láy có yếu tố gốc Hán này trong tiếng Việt không mượn nguyên khối của tiếng Hán mà cơ chế láy đã biến đổi hình thái, vô ngữ âm của nó đã thay đổi theo quy luật ngữ âm tiếng Việt vì thế hình thái và âm điệu của nó không còn mang bóng dáng của một từ gốc Hán khiến người ta luôn có cảm giác nó là từ thuần Việt.

Về mặt ngữ âm, mặc dù BB thuộc từ láy hoàn toàn trong tiếng Việt nhưng ngữ âm của nó có những biến đổi nhất định theo quy luật ngữ âm chặt chẽ của từ láy tiếng Việt. Sự biến đổi ngữ âm ở thanh điệu và âm cuối tạo nên tính *đối* (khác biệt) và tính *điệp* (lặp lại) khiến âm thanh của loại từ này trở nên cân đối, hài hòa, nhịp nhàng, giàu tính nhạc điệu.

Khảo sát từ tính của BB trong *Từ điển từ láy tiếng Việt* cho thấy, BB phần lớn là tính từ: 105 từ (như *tôm tộp, nhem nhèm*), động từ: 10 từ (như *vèo vèo, ngùn ngụt*), phó từ: 22 từ (như *đùng đùng, đành dạch*), cảm từ: 1 từ (*oai oái*). Có thể dễ dàng nhận ra sự phân loại từ tính cho BB trong *Từ điển từ láy tiếng Việt* cũng chưa hẳn đã tường minh, ví dụ, loại từ này ngoài tổ hợp thành kết cấu ABB có thể đảm nhiệm vai trò trung tâm ngữ trong câu: *Sấm chớp đùng đùng; Đi đâu mà biến biệt mấy năm không thấy* [3], vì thế xếp nó là phó từ chưa thực sự thỏa đáng.

Xét từ góc độ từ tính cũng có thể nhận ra BB là một hình vị hai âm tiết, bản thân nó đã mang trong mình hàm nghĩa tương đối hoàn chỉnh, cụ thể, biểu thị một trạng thái nào đó, khi tổ hợp với động từ đơn tiết tạo nên kết cấu ABB thường dùng để miêu tả trạng thái hoạt động nào đó với mức độ cao. Cho dù BB là phó từ thì nó cũng là phó từ chỉ trạng thái, nó không giống như những phó từ chỉ mức độ như “*rất, lắm,...*” mà bản chất ngữ nghĩa của BB ở đây giống như những tính từ chỉ trạng thái.

Ở tổ hợp ABB này xuất hiện một số BB như *làu làu, tí tí, xềnh xệch, bần bật,...* thường tồn tại dưới dạng tổ hợp ABB (*thuộc làu làu, ăn tí tí, lòi xềnh xệch, run bần bật,...*) với vai trò phụ nghĩa, bổ sung nghĩa cho động từ gốc chứ bản thân không đứng độc lập làm trung tâm ngữ trong câu.

Khảo sát của chúng tôi thu thập được 138 tổ hợp ABB trong đó có 70 động từ gốc, 121 từ láy hoàn toàn BB. Như vậy, một động từ A có thể kết hợp với nhiều BB khác nhau (như: *măng sà sã, măng sa sã, măng xoi xoi, măng chan chát*), biểu thị những trạng thái *măng* khác nhau. Ngoài ra cùng một BB cũng có thể kết hợp với nhiều A khác nhau nhằm miêu tả trạng thái giống nhau của những hoạt động khác nhau, nhưng giữa những hoạt động đó có những điểm tương đồng nhất định. Ví dụ, cùng chỉ động tác của môi, cùng chỉ âm thanh nhỏ và trầm phát ra liên tiếp từ môi khi hôn hay mút mạnh, tiếng Việt có tổ hợp *hôn chùn chụt, mút chùn chụt*; cùng biểu thị trạng thái hoạt động mài mê không để ý đến xung quanh, không chịu dứt ra, rời ra, thể hiện thái độ không hài lòng của người nói, tiếng Việt có tổ hợp: *ăn tí tí (chén tí tí), uống tí tí, ngủ tí tí*.

Khảo sát 138 tổ hợp ABB cho thấy có thể kết hợp thành AB gồm 22 tổ hợp, tuy nhiên ngữ nghĩa của ABB so với AB nếu tồn tại cũng khác nhau về sắc thái, ví dụ, *nuốt ực (nuốt ực viên thuốc vào bụng)* khác với *nuốt ừng ực (thằng bé tu bình sữa nuốt ừng ực)*, *nuốt ừng ực* gọi liên tưởng tới trạng thái nuốt hạm to, mạnh, liên tiếp, kéo dài, ABB ở đây mang những sắc thái mà AB không có được.

Dạng láy ABB với A là động từ có kết cấu khá chặt chẽ, âm thanh hài hòa, giàu tính nhạc điệu, ngữ nghĩa giàu hình ảnh, nó phản ánh một cách sinh động trạng thái hoạt động đang diễn ra đầy sống động của thế giới hiện thực. Tổ hợp này đảm nhiệm vai trò trung tâm ngữ trong câu, là cấu trúc ngữ pháp tiêu điểm trong chuỗi lời nói, nó phản ánh quá trình phát triển từ đơn âm tiết tiến đến đa âm tiết, từ hình thái cấu trúc đơn giản đến hình thái cấu trúc phức

tạp của tiếng Việt, đồng thời nó phản ánh mối liên hệ tương ứng giữa ngữ âm và ngữ nghĩa, giữa hình thức và nội dung của ngôn ngữ.

3. Đặc trưng ngữ nghĩa

3.1. Hình thái càng phức tạp thì nội dung càng phức tạp

Ngôn ngữ là hệ thống lập mã hiện thực, quy luật của hiện thực được phản ánh trong kết cấu của ngôn ngữ, giữa thành phần ngữ pháp và kết cấu kinh nghiệm có mối quan hệ tương ứng. Jakobson (1971) theo quan điểm “số lượng tương tự” chỉ ra rằng, hình thái càng phức tạp thì ý nghĩa càng phức tạp (xem Haiman [17, tr.290]. Lakoff và Johnson (1980) cũng nhấn mạnh, hình thức càng nhiều thì nội dung càng nhiều, tức là đơn vị ngôn ngữ càng nhiều, càng dài thì nội dung mà nó biểu đạt càng phức tạp: số lượng nhiều, phạm vi rộng, ý nghĩa nhấn mạnh. Những bài viết của chúng tôi (2014, 2017, 2018) từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận và thông qua khảo sát loại hình học chỉ ra rằng, rất nhiều ngôn ngữ sử dụng sự tăng lên của ký hiệu ngôn ngữ (láy/lặp) để biểu thị đa lượng: số nhiều, mức độ cao, trạng thái lặp lại, tiếp diễn, liên tiếp,...

Láy là cơ chế biến hóa hình thái, thông qua lặp lại vô ngữ âm để biểu thị ý nghĩa từ vựng hoặc ngữ pháp. BB thông qua láy âm tiết để tạo từ mới, tồn tại dưới dạng một hình vị hai âm tiết, tách ra thường không thể đứng độc lập. Tuy nhiên cơ chế láy cũng tạo nên phạm trù ngữ nghĩa cho loại từ này, đặc biệt khi kết hợp với động từ A thì phạm trù ý nghĩa ngữ pháp càng rõ rệt. Khảo sát phạm trù ý nghĩa ngữ pháp của tổ hợp ABB cho ta thấy kết cấu này thường biểu thị mức độ cao: cường độ mạnh, tốc độ cao, thời gian dài, trạng thái lặp lại, dai dẳng, liên tiếp, nó phản ánh nguyên lý tính tương tự, giữa hình thức kết cấu và nội dung ý nghĩa của ngôn ngữ tồn tại mối liên hệ nhất định chứ không hoàn toàn vô đoán.

Reddy (1979) cho rằng, hình thức là một máy chứa, trong đó những ý nghĩa biểu đạt được coi là nội dung mà nó chứa đựng. Kết cấu

ABB với sự gia công của phương thức láy thường biểu thị mức độ cao của trạng thái. Mức độ cao ấy thể hiện ở cường độ mạnh của động tác, ví dụ: *làm quần quật, chạy huỳnh huých, làm hùng hục, đập thành thịch, lôi xềnh xệch, tát bôm bốp, uống ừng ực, giật đùng đùng, cười khanh khách, khóc sa sả, sôi sùng sục, sốt sình sịch,...* Mức độ cao cũng được thể hiện ở trạng thái tốc độ cao mà tổ hợp ABB biểu thị như: *lao vun vút, bay vèo vèo, bơi nhoay nhoáy, thuộc lâu lâu, ăn thun thút, bắn chiu chiu, cháy bùng bùng, nổ đôm đốp, làm phăm phăm,...*

Kết cấu dạng láy ABB sử dụng hình thức lặp lại của vô ngữ âm để biểu thị ý nghĩa mang tính lặp lại, liên tiếp, thể hiện tính tương ứng giữa hình thái cấu trúc và nội dung ngữ nghĩa mà nó biểu đạt. Trong tiếng Việt tồn tại rất nhiều tổ hợp ABB biểu thị trạng thái lặp lại, thời gian dài, dai dẳng, liên tiếp như: *nói sa sả, quạt sà sả, ngủ khì khịt, cãi nhem nhem, giữ bo bo, đóng im im, cháy ngùn ngụt, chảy rào rào, lo nôm nốp, run bản bật, nhỏ phì phì, lăn lông lốc,...* Với phạm trù ngữ nghĩa biểu thị đa lượng này, kết cấu dạng láy ABB là ví dụ điển hình cho tính tương tự tồn tại trong tiếng Việt.

3.2. Tính tượng hình, tượng thanh và biểu cảm

Như đã phân tích, BB bản thân nó diễn tả một trạng thái nào đó, nhưng muốn biểu thị trạng thái của một hoạt động nào đó, hoạt động ấy diễn ra như thế nào, thì cần tổ hợp với động từ A mới có thể biểu thị hoàn chỉnh về ý nghĩa. Vì thế trong tiếng Việt chúng ta thường thấy nhiều trường hợp BB tồn tại dưới dạng tổ hợp ABB, sự tổ hợp “A+BB” này mang đến cho tiếng Việt một hình thức kết cấu mới với sức sống mới. So với hình thái gốc A hoặc BB thì ý nghĩa của tổ hợp ABB phong phú hơn, cụ thể hơn, sinh động hơn, giàu tính tượng hình, tượng thanh và sắc thái biểu cảm hơn.

Kết cấu ABB với A là động từ thường diễn tả trạng thái hoạt động của con người hoặc sự vật trong thế giới hiện thực. Với sự gia công của cơ chế láy đã tạo nên cho kết cấu ABB vô ngữ âm nhịp nhàng, giòn giã và nội dung ý

nghĩa giàu tính tượng hình và sắc thái biểu cảm, âm thanh của nó luôn khơi gợi những tư duy hình tượng và liên tưởng phong phú của con người. Ví dụ, *thức chong chong* gợi liên tưởng tới cảnh mắt ngủ, mắt ở trạng thái mở lâu, hoàn toàn tỉnh táo, nhấn mạnh trạng thái trần trọc, thao thức thâu đêm, âm hưởng ABB gia tăng chiều dài của thời gian, chiều sâu của không gian, gia tăng sắc thái tội nghiệp, cảm thương của người nói.

Tổ hợp ABB thể hiện sinh động những hoạt động thường ngày của con người, như *ăn (nhem nhèm), uống (ừng ực), ngủ (khìn khịt), đi (nhoay nhoáy), đứng (lù lù), ngồi (chôm chôm), chạy (xông xộc), nói (nhi nhí), khóc (rưng rức), cười (sằng sặc), nhìn (hau háu), ngậm (bung búng), nhỏ (phí phì),...* hơn nữa những hoạt động đó của con người luôn được đặt trong mối quan hệ với xã hội, với môi trường xung quanh, trong thái độ đánh giá của người nói vì thế nó càng trở nên sinh động, gần gũi, đó cũng là lý do để tổ hợp này xuất hiện với tần suất cao trong đời sống hàng ngày.

Điều đặc biệt là với BB phần lớn là từ tượng thanh, tổ hợp ABB ngoài giàu tính tượng hình, còn rất giàu tính tượng thanh, khiến cho trạng thái hoạt động mà nó miêu tả càng trở nên sinh động và chân thực. Với sự lặp lại nhịp nhàng của vỏ ngữ âm khiến ta luôn cảm giác về một trạng thái động, trạng thái đang diễn ra và tiếp tục tiếp diễn. Khảo sát 138 tổ hợp ABB cho thấy có 90 trường hợp BB là từ tượng thanh. Việc tổ hợp động từ A với BB là những từ tượng thanh giúp cho việc gợi tả hình ảnh và gợi tả âm thanh càng trở nên sinh động.

Tổ hợp ABB với đặc điểm ngữ âm giàu tính biểu trưng luôn khơi gợi những liên tưởng phong phú của con người. Ví dụ với khuôn vần *un - út: mút chùn chụt, bú chùn chụt, ăn thun thút, lao vun vút* gây ấn tượng trạng thái lặp lại, nhanh liên tiếp, không bị cản trở, hút sâu vào trong. Với *mút chùn chụt, bú chùn chụt* còn liên tưởng tới âm thanh phát ra của môi và miệng khi hôn hoặc bú. *Bay vun vút* liên tưởng tới hình ảnh viên đạn bay hay roi quất mạnh và

phát ra âm thanh liên tiếp trong không khí. Khuôn vần *anh - ách* trong *dây đàn đạch, cười khanh khách, gãi cành cạch, nổ tanh tách, quạt phành phạch, nổ phành phạch* gợi trạng thái hành động liên tiếp, dồn dập với âm thanh lúc bổng lúc trầm, mảnh mà vang, giòn giã. Những khuôn vần này khi kết hợp với những âm đầu khác nhau sẽ tạo những sắc thái ý nghĩa khác nhau, những ấn tượng khác nhau. Tuy nhiên giá trị tượng hình và tượng thanh của tổ hợp ABB mang đặc điểm tâm lý dân tộc, cần tầm nhìn trong ngôn ngữ tiếng Việt mới cảm nhận được ấn tượng mà âm thanh của những khuôn vần đó mang lại những liên tưởng và cảm xúc cho con người.

Tổ hợp ABB ngoài giá trị tượng hình, tượng thanh còn giàu giá trị biểu cảm, thể hiện thái độ, đánh giá của người nói. Đặc biệt cùng một động từ A có thể kết hợp với nhiều BB khác nhau, miêu tả cùng một hoạt động nhưng của những đối tượng khác nhau với những trạng thái và sắc thái cảm xúc khác nhau. Ví dụ, cùng là hoạt động “ăn” nhưng miêu tả những đối tượng khác nhau, trạng thái khác nhau, sắc thái biểu cảm khác nhau, như: *ăn thun thút* miêu tả trạng thái ăn nhanh, liên tiếp, ăn một cách rất ngon miệng của trẻ nhỏ, thường thể hiện sự mãn nguyện, hài lòng của người nói. *Ăn nhem nhèm* là ăn nhiều, nhanh liền thoảng, không còn để ý đến ai, bộc lộ thái độ không đồng tình của người nói với đối tượng là con cái, nàng dâu, người hầu kẻ hạ,... *Ăn tòm tộp* liên tưởng tới ăn phát ra tiếng động to, đều đặn, liên tiếp, không ý tứ, thể hiện đánh giá không tán thành của người nói, đối tượng miêu tả thường là con cái, người dưới hàng hoặc ngang hàng. *Ăn tì tì* là ăn mãi mê không để ý đến xung quanh, không chịu dứt ra, rời ra, thể hiện thái độ không hài lòng của người nói, đối tượng thường là người ngang hàng hoặc dưới hàng.

Khảo sát ABB cho thấy các động từ *khóc, cười, ăn, nói* là một trong những động từ có số lượng tổ hợp ABB nhiều nhất, *khóc*: 12 tổ hợp, *cười*: 11 tổ hợp, *nói*: 7 tổ hợp, *ăn*: 4 tổ hợp, trong đó *khóc* với 12 tổ hợp, chiếm số lượng

hiều nhất. Điều ấy thể hiện sự quan sát tinh tế và phong phú trong biểu đạt của người Việt. *Khóc oa oa* là tiếng khóc của trẻ sơ sinh to thành từng tiếng liên tiếp, thể hiện niềm hoan của người nói khi đón nhận một sinh linh bé nhỏ chào đời; *khóc chèo chèo* là khóc rất dai dẳng của trẻ nhỏ, kéo dài một cách đơn điệu, thể hiện thái độ khó chịu mệt mỏi của người nói; *khóc hi hi* là tiếng khóc nhỏ, liên tiếp và kéo dài, đáng thương; *khóc hu hu* là tiếng khóc to, trầm đục, liên tiếp, tội nghiệp. *Khóc ngằn ngặt* là khóc lên từng cơn dài rồi lặng đi, không thành tiếng, như bị nghẹt hơi, thường chỉ trẻ nhỏ, thể hiện sự sốt ruột, tội nghiệp; *khóc nhèo nhèo* là chỉ trẻ con quấy khóc dai dẳng, gây cảm giác khó chịu; *khóc rung rục* là tiếng khóc không to nhưng nhiều và kéo dài không dứt, rất thương tâm; *khóc oe oe* tiếng khóc của trẻ sơ sinh, nhỏ, tròn tiếng và liên tục, *khóc ti ti* là khóc tiếng nhỏ, lâu và kéo dài nghe khó chịu. *Khóc ti ti* là khóc thành tiếng nhỏ và dai dẳng, gây cảm giác buồn thương. *Khóc tu tu* là khóc to thành tiếng kéo dài từng hồi lâu, nghe tội nghiệp; *khóc sa sa* là khóc to tiếng, dai dẳng, không ngắt, liên tiếp, gây cảm giác khó chịu.

Một đặc trưng ngữ nghĩa tiềm ẩn trong kết cấu ABB đó là tính đa nghĩa của tổ hợp này. Tức là ngoài nghĩa đen miêu tả chân thực trạng thái của một hoạt động nào đó thì nó còn được sử dụng với nghĩa bóng, nghĩa liên tưởng để biểu thị thế giới tinh thần của con người. Ví dụ, *sốt sình sịch* là chỉ sốt cao, kéo dài, *sình sịch* gây ấn tượng về sự nóng bỏng như nước đang đun sôi sùng sục, bản chất là từ tượng hình, nhưng lại rất giàu giá trị tượng thanh. *Sốt sình sịch* còn biểu thị sự lo lắng cao độ khi người thân của mình đã quá tuổi mà vẫn chưa kết hôn. *Sôi sùng sục* diễn tả nước sôi cuộn trào, âm thanh đang réo mạnh, dội mạnh, đang bị khuấy động mạnh, *sôi sùng sục* cũng được liên hệ để biểu thị thái độ bất bình giận dữ, không kiềm chế cảm xúc trước người khác. *Nhảy tanh tách* diễn tả hình ảnh con tôm chắc khỏe, tràn đầy sự sống cong người nhảy trên bề mặt nào đó và phát ra âm thanh giòn và thanh. *Tanh*

tách gợi tả âm thanh giòn tai nên thường được dùng để liên tưởng tới trạng thái trẻ phản ứng dữ dội, cãi lại người lớn *bật tanh tách, bật tanh tách* cũng mang theo hàm nghĩa phê bình một cách hài hước, hóm hỉnh. Cũng âm thanh giòn giã ấy, tiếng Việt xuất hiện tổ hợp ABB: *gõ tanh tách* phản ánh cuộc sống thời công nghệ của các bạn trẻ, *gõ tanh tách* biểu thị trạng thái gõ bàn phím nhanh, liên tiếp, phát ra âm thanh thanh mảnh. *Nổ tanh tách* ngoài việc biểu thị vật nổ tạo âm thanh thanh mảnh, liên tiếp trong lửa cháy, còn miêu tả trạng thái phản ứng nhanh, dùng ngôn từ đối đáp, chuyện trò hóm hỉnh hài hước, rôm rả trước đám đông.

Tổ hợp ABB là do động từ A kết hợp với từ láy BB tạo nên, sự tổ hợp “A+BB” này mang đến cho tiếng Việt một hình thức kết cấu mới với nội dung ngữ nghĩa mới. Cơ chế lấy kích hoạt vào yếu tố gốc làm nó sản sinh một sức sống mới tràn đầy năng lượng (vở ngữ âm mới, nội dung ý nghĩa mới). So với hình thái gốc A hoặc BB thì ý nghĩa của kết cấu ABB phong phú hơn, cụ thể hơn, sinh động hơn, giàu tính tượng hình, tượng thanh và sắc thái biểu cảm hơn. Sự tổ hợp này mang đến phạm trù ý nghĩa ngữ pháp, đó là sự gia tăng về mức độ, nó phản ánh ký hiệu ngôn ngữ càng nhiều, hình thái càng phức tạp thì nội dung ngữ nghĩa càng phức tạp.

4. Kết luận

Kết cấu dạng láy ABB với âm thanh nhịp nhàng, giòn giã, ý nghĩa giàu tính tượng hình, giàu tính tượng thanh và sắc thái biểu cảm, là hiện tượng ngôn ngữ được sử dụng với tần suất cao trong ngôn ngữ đời sống hàng ngày, nó góp phần làm giàu vốn từ vựng và phong phú biểu đạt cho tiếng Việt.

Có thể thấy tất cả những hoạt động thường ngày của con người đều tìm thấy trong bóng dáng của tổ hợp ABB, những trạng thái hoạt động đó của con người luôn được đặt trong mối quan hệ với xã hội, với môi trường xung quanh, trong thái độ đánh giá của người nói vì thế nó càng trở nên sinh động, gần gũi, đó cũng là lý do để tổ hợp này xuất hiện với tần suất cao.

Kết cấu ABB với A là động từ có kết cấu khá chặt chẽ, âm thanh hài hòa, giàu tính nhạc điệu, giàu hình ảnh, nó phản ánh một cách sinh động trạng thái hoạt động đang diễn ra đầy sống động của thế giới hiện thực. Sự tổ hợp này biểu thị sự gia tăng về mức độ: cường độ mạnh, tốc độ cao, thời gian dài, trạng thái lặp lại, dai dẳng, liên tiếp. Tổ hợp này đảm nhiệm vai trò trung tâm ngữ trong câu, là cấu trúc ngữ pháp tiêu điểm trong chuỗi lời nói, nó phản ánh quá trình phát triển từ đơn âm tiết tiến đến đa âm tiết, từ hình thái cấu trúc đơn giản đến hình thái cấu trúc phức tạp của tiếng Việt, nó phản ánh mối liên hệ tương ứng giữa ngữ âm và ngữ nghĩa, giữa hình thức và nội dung của ngôn ngữ - “hình thái càng phức tạp thì nội dung càng phức tạp”, giữa hình thức kết cấu và nội dung ý nghĩa của ngôn ngữ tồn tại mối liên hệ nhất định chứ không hoàn toàn võ đoán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.
- [2] Hoàng Văn Hành, *Từ láy trong tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985.
- [3] Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Từ điển từ láy tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1994.
- [4] Phi Tuyết Hinh, *Giá trị biểu trưng của khuôn vần trong từ láy tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Viện Ngôn ngữ học, 1990.
- [5] Ngô Thị Huệ, *Tính phổ biến của phương thức lặp trong loại hình học ngôn ngữ dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận*, *Ngôn ngữ*, số 8, 2014.
- [6] Ngô Thị Huệ, *Phân tích đối chiếu cấu trúc dạng láy ABB giữa tiếng Việt và tiếng Hán*, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 3, 2016.
- [7] Ngô Thị Huệ, *Cấu tạo từ láy nhìn từ góc độ loại hình học và ngôn ngữ học tri nhận*, *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 1, 2016.
- [8] Ngô Thị Huệ, *Đối chiếu tính từ láy hoàn toàn dạng AA (kiểu “hun hút, cuộn cuộn”, “翩翩. 绵绵”) giữa tiếng Việt và tiếng Hán từ góc độ tri nhận*, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 6, 2017.
- [9] Ngô Thị Huệ, *Phương thức láy - góc nhìn từ hình thái học và loại hình học ngôn ngữ*, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 3, 2018.
- [10] Hồ Lê, *Vấn đề cấu tạo của từ của tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
- [11] Hà Quang Năng, *Dạy và học từ láy ở trường phổ thông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [12] Đái Xuân Ninh, *Hoạt động từ tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
- [13] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng, 2008.
- [14] Hoàng Tuệ, *Về những từ gọi là từ láy trong tiếng Việt*, *Ngôn ngữ*, số 3, 1978.
- [15] Viện Ngôn Ngữ, *Từ láy và những vấn đề còn bỏ ngỏ*, Nxb. Khoa Học xã Hội, Hà Nội, 1998.
- [16] Lakoff G. & John Mark, *Metaphors we live by*, Chicago, The University of Chicago Press, 1980.
- [17] John Haiman, *Inconicity in Syntax*, Amsterdam: John Benjamins, 1985.
- [18] Reddy Michael, *The Conduit Metaphor*, In Ortony A. (ed.), *Metaphor and Thought*, Cambridge University Press, 1979.

⇒ *Tiếp theo trang 35 (MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VIỆC ĐẶT TÊN VÀ ĐỔI TÊN...)*

- [11] Culter Anne; Macqueen, James; Robinson, Ken, *Elizabeth and John: Sound pattern of Men and Women's names*, *Journal of linguistics*, No.26, p.471-482, 1990.
- [12] Hough Carole, *Toward an Explanation of Phonetic differentiation in Masculine and Feminine Personal Names*, *Journal of linguistics*, No 36, pp. 131-148.
- [13] McConnell-Ginet Sally, *Language and Gender*, Cambridge University Press, p.69-97, 2000, 2003.
- [14] Phillip T., Weller S.T.D., *Rituale Romanum (Roman Ritual)*, Chicago: The Bruce Publishing Company, 1964.
- [15] Thwaites Rachel, *The making of selfhood: naming decisions on marriage, Families, Relationships and*

- Societies*, Vol.2, No.3, p.425-439, Policy Press, 2013.
- [16] Wardhaugh R., *An introduction to sociolinguistics (6th ed.)*, Oxford, UK: Wiley-Blackwell, 2010.
- [17] “A Brief Overview of World Religions”. About Equal Opertunities.co.uk.
- [18] Eurobarometer survey, http://www.ab.gov.tr/files/ardb/evt/1_avrupa_birligi/1_6_raporlar/1_4_eurobarometers/Eurobarometer_N41_PUBLIC_OPINION_IN_THE_EUROPEAN_UNION_July_1994.pdf
- [19] UK Deed Poll Service, <http://www.deedpoll.org.uk/Overseas.html>